

Số: /2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-SGTVT ngày tháng năm 2024; Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế cho Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ban hành quy định về hoạt động vận tải đường

bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk;
- Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP; các P, TT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị
và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị
hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh

a) Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ trong đô thị đối với các loại hình vận tải: Xe buýt, xe ô tô theo tuyến cố định, xe hợp đồng, xe taxi, xe ô tô vận tải khách du lịch, xe bốn bánh có gắn động cơ.

b) Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe ô tô và xe bốn bánh có gắn động cơ trong đô thị.

c) Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường; hoạt động vận chuyển phế thải trong đô thị.

d) Hoạt động vận tải phục vụ mục đích công cộng trong đô thị.

đ) Hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ trong đô thị.

e) Dịch vụ cứu hộ giao thông đường bộ trong đô thị.

2. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô và xe bốn bánh có gắn động cơ, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và xe bốn bánh có gắn động cơ; dịch vụ thu gom rác, vệ sinh môi trường, vận chuyển phế thải, vận chuyển vật liệu xây dựng; các loại xe chở người và chở hàng nội bộ; các loại xe

phục vụ mục đích công cộng, xe cứu hộ giao thông hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Cá nhân không được sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ để vận tải người nội bộ, trừ mục đích kinh doanh vận tải hành khách. Tổ chức được sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ để vận tải nội bộ và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Không áp dụng Quy định này đối với các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024.

4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

b) Xe vệ sinh môi trường gồm xe ô tô và các loại phương tiện vận chuyển chuyên dùng khác dùng để chở rác thải sinh hoạt, phế thải...

c) Xe phục vụ mục đích công cộng gồm xe thư báo, xe bảo trì, sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ, điện lực, hệ thống chiếu sáng, trang trí, viễn thông, xe sửa chữa ống nước, chăm sóc cây xanh trong đô thị.

d) Xe máy chuyên dùng gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp, máy kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi máy kéo, xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, các loại xe đặc chủng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.

đ) Xe cứu hộ giao thông đường bộ là xe ô tô chuyên dùng có trang bị dụng cụ, thiết bị dùng để cứu hộ, hỗ trợ di chuyển hoặc chuyên chở các phương tiện giao thông đường bộ bị hư hỏng, bị sự cố.

e) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở người, vận tốc thiết kế không lớn hơn 30 km/h, số người cho phép chở tối đa 15 người (không kể người lái xe).

f) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ là xe có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở hàng, có phần động cơ và thùng hàng lắp trên cùng một khung xe, có tối đa hai hàng ghế và chở tối đa 05 người (không kể người lái xe), vận tốc thiết kế không lớn hơn 60 km/h và khối lượng bản thân không lớn hơn 550 kg; trường hợp xe sử dụng động cơ điện thì có công suất động cơ không lớn hơn 15 kW.

g) Hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ là hoạt động vận tải không kinh doanh, không thu tiền cước, chi phí vận tải được tính vào chi phí quản lý, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ của

người vận tải; bao gồm hoạt động vận tải người nội bộ và hoạt động vận tải hàng hóa nội bộ.

h) Giờ cao điểm là khoảng thời gian thường xuyên có mật độ giao thông đi lại lớn tại một khu vực hoặc một tuyến đường. Giờ cao điểm do chính quyền địa phương quy định.

Điều 3. Yêu cầu đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải: Có Giấy phép kinh doanh vận tải do Sở Giao thông vận tải cấp nhưng không bị thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải do vi phạm các quy định của pháp luật.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ đối với từng loại phương tiện theo quy định tại Điều 40 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

c) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 41 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

d) Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

đ) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động; phù hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định.

Chương II

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ

Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này còn phải chấp hành Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ và các quy định khác của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, vệ sinh môi trường, trật tự an toàn xã hội và phải chấp hành các quy định tại địa phương (nếu có) như quy định về phạm vi hoạt động trên tuyến đường, thời gian hoạt động của các loại phương tiện và tổ chức phân luồng giao thông trong đô thị.

Điều 4. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe buýt phải hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định.

3. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình tuyến đi qua để phục vụ mục đích khác. Trường hợp tuyến đường đó bị cấm hẳn ô tô khách hoạt động, thì đơn vị vận tải phải chủ động đề xuất với Sở Giao thông vận tải để có phương án điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.

Điều 5. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

2. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị như quy định đối với xe buýt được quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; hoạt động vận tải hành khách bằng xe trung chuyển

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

2. Phương tiện kinh doanh vận tải khách du lịch, được ưu tiên bố trí nơi dừng đỗ thuận tiện để đón, trả khách du lịch, nhưng phải tuân thủ quy định của chính quyền địa phương theo phân cấp về tổ chức giao thông. Việc dừng đón trả khách du lịch tại các bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch... thì thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch đó.

3. Xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

a) Hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách, đồng thời phải giữ gìn an ninh trật tự xã hội và giữ vệ sinh chung; các điểm dừng, đỗ đón trả khách phải đảm bảo an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

b) Không được đón, trả khách thường xuyên lặp đi lặp lại hàng ngày tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc tại một địa điểm cố định khác do đơn vị kinh doanh vận tải thuê, hợp tác kinh doanh.

4. Xe trung chuyển hành khách là xe ô tô có từ 16 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái và phụ xe). Xe trung chuyển chỉ được sử dụng để vận chuyển hành khách từ điểm đón khách theo yêu cầu của hành khách và đi trên các tuyến vận tải khách cố định của đơn vị kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định đến bến xe, điểm đón trả khách trên tuyến hoặc ngược lại và hành khách không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác ngoài giá vé trên tuyến cố định theo quy định.

Điều 7. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả hành khách.

Điều 8. Hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 49 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe chở hàng phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.

3. Trường hợp xe chở hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe lưu thông vượt quá tải trọng quy định của biển báo hiệu đường bộ, xe cần thiết phải lưu thông trong đô thị ngoài thời gian cho phép lưu thông được quy định tại khoản 5 Điều 11 của Quy định này thì phải có Giấy phép lưu hành xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 9. Hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách và xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa.

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 48 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

2. Không chở hàng hóa cồng kềnh và quá tải trọng cho phép chở của xe, không chở quá số người cho phép chở trên xe gây cản trở mất trật tự an toàn giao thông.

Điều 10. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường và xe ô tô chở phế thải rời, xe ô tô chở vật liệu xây dựng cho các công trường xây dựng

trong đô thị; hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô và bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; dịch vụ cứu hộ giao thông

1. Phương tiện, thiết bị chuyên dụng để thu gom vận chuyển chất thải, phế thải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là xe tải chuyên dụng (đối với xe vận chuyển bùn hầm cầu), xe thu gom vận chuyển phế thải, xe tải có thùng kín và xe trang bị bạt phủ (đối với xe vận chuyển bùn nạo vét).

b) Bồn xe hoặc thùng xe có trang bị van khóa, đảm bảo không gây rò rỉ chất thải trong quá trình lưu thông vận chuyển.

c) Thiết bị bơm, hút bùn hầm cầu, bùn nạo vét phải đảm bảo kín không rò rỉ.

d) Có đầy đủ thiết bị và biện pháp kỹ thuật làm vệ sinh xe tại địa điểm thu gom, tại cơ sở trong thời gian lưu giữ và tại địa điểm xử lý sau khi chuyển giao bùn hầm cầu, bùn nạo vét đến địa điểm xử lý tập trung.

2. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời

a) Phải được che phủ kín, không để rơi vãi trên đường phố.

b) Trường hợp để rơi, vãi vật liệu xây dựng, phế thải rời xuống đường thì đơn vị và người lái xe phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay và đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

c) Có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây ô nhiễm trong suốt quá trình vận chuyển.

3. Hoạt động vận tải nội bộ (bao gồm chở người nội bộ và chở hàng nội bộ) bằng xe ô tô và xe bốn bánh có gắn động cơ phải tuân thủ theo các nguyên tắc, quy định của pháp luật khi tham gia giao thông và thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy định này đối với xe ô tô chở người nội bộ và khoản 5 Điều 11 của Quy định đối với xe ô tô chở hàng nội bộ.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ cứu hộ giao thông đường bộ có trách nhiệm thực hiện quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe cứu hộ giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 54 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Điều 11. Thời gian và phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe

1. Ô tô đưa đón cán bộ, nhân viên, công nhân, học sinh, sinh viên (xe ô tô chở người nội bộ) được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông.

2. Ô tô chở khách theo hợp đồng, xe taxi, ô tô con được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông.

3. Ô tô chở khách du lịch được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông, nhưng phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

4. Ô tô khách hoạt động theo tuyến cố định được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến cố định đã được công bố nhưng phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

5. Ô tô chở hàng hóa (bao gồm xe ô tô kinh doanh vận tải và xe ô tô chở hàng nội bộ) có khối lượng chuyên chở cho phép (xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường đô thị không bị cấm lưu thông, nhưng phải chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát giao thông, hiệu lệnh biển báo hiệu đường bộ tuyến đường đó; tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị của địa phương và hoạt động theo thời gian được quy định như sau:

6. Xe máy chuyên dùng (trừ xe máy chuyên dùng có bánh xích và các loại xe đặc chủng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông trong các khoảng thời gian ngoài giờ cao điểm.

7. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị; trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

8. Xe máy chuyên dùng khi hoạt động trong công trường phải có biển báo hiệu giới hạn phạm vi công trường, phải bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển.

9. Xe cứu hộ giao thông được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị.

10. Trong tình trạng khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, dịch bệnh) có quy định khác thì thực hiện theo các quy định đó.

11. Xe bốn bánh có gắn động cơ chở người và xe bốn bánh có gắn động cơ chở hàng, xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh về thời gian và phạm vi hoạt động.

Chương III

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 12. Quy định về phương tiện để người khuyết tật tiếp cận sử dụng

1. Ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng là ô tô khách thành phố có chỗ dành cho người khuyết tật và có kết cấu để người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng.

2. Xe buýt phải có số chỗ ngồi từ 17 chỗ trở lên (kể cả chỗ cho người khuyết tật). Không áp dụng quy định này đối với xe buýt có số chỗ ngồi từ 08 chỗ đến 16 chỗ ngồi.

3. Đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

Điều 13. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đầu tư ngay các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của đơn vị vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật như sau:

a) Đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

b) Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 02% tỷ lệ phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

c) Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 20% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

Điều 14. Lộ trình thực hiện

1. Đối với các phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đang khai thác các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh mà chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 của Quy định này thì được phép hoạt động đến hết ngày 31/12/2029; kể từ ngày 01/01/2030 trở đi, phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều 12, Điều 13 của Quy định này.

2. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đăng ký để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hoạt động sau ngày Quy định này có hiệu lực thì phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng quy định tại Điều 12 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy định này.

Điều 15. Chính sách miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật

Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, phải có trách nhiệm thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh Đắk Lắk triển khai quy định này để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, chấp hành theo quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này.

d) Phối hợp với UBND cấp huyện đơn đốc đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe buýt xây dựng kế hoạch thực hiện việc cải tạo, đầu tư mới biển báo điểm dừng, nhà chờ xe buýt.

đ) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra Sở có kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh được Sở Giao thông vận tải Đắk Lắk cấp Giấy phép kinh doanh vận tải; phối hợp với các lực lượng chức năng khác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm của chủ xe, người điều khiển xe theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và Quy định này.

e) Thông báo kế hoạch phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị tới các đơn vị kinh doanh vận tải để thực hiện.

f) Theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này, tình hình hoạt động và những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết kịp thời khi có yêu cầu.

2. UBND cấp huyện

a) Phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh và Sở Giao thông vận tải thực hiện điểm b, điểm d khoản 1 Điều này.

b) Rà soát, lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ phù hợp với Quy định này đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý; riêng đối với các tuyến đường không thuộc thẩm quyền quản lý, khi lắp đặt phải có sự thống nhất của đơn vị quản lý tuyến đường đó.

c) Căn cứ tình hình thực tế sinh hoạt, làm việc của dân cư trên địa bàn đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về khung giờ cao điểm để cho các loại phương tiện hoạt động cho phù hợp.

d) Quy định vị trí tập kết rác thải tập trung đảm bảo thuận lợi cho việc bốc rác thải lên xe nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông.

đ) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị biết và chấp hành theo quy định.

e) Chỉ đạo Liên đoàn lao động các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý nghiệp đoàn xe bốn bánh gắn động cơ (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật.

f) Tổng hợp, báo cáo việc triển khai Quy định này tại địa phương và tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn về Sở Giao thông vận tải khi có yêu cầu.

3. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các lực lượng Công an, Cảnh sát giao thông thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ theo quy định hiện hành và theo Quy định này.

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải làm thủ tục cấp hoặc đổi biển số xe từ màu vàng (dành cho xe kinh doanh vận tải) sang màu trắng (dành cho xe không kinh doanh vận tải) và ngược lại.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện xây dựng quy định để quản lý lộ trình, tuyến đường vận chuyển khách du lịch của các tour, tuyến sử dụng các loại phương tiện quy định tại quyết định này để các đơn vị kinh doanh du lịch thực hiện.

5. Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk:

a) Hướng dẫn việc thực hiện kê khai giá cước đối với các đơn vị kinh doanh vận tải đường bộ .

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, chỉ đạo các chi cục Thuế rà soát các đơn vị kinh doanh vận tải đường bộ trên địa bàn để có biện pháp quản lý, tránh thất thu thuế của Nhà nước.

6. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ hỗ trợ triển khai các giải pháp, các ứng dụng (app), áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, vận chuyển hành khách (gọi xe, đặt vé qua ứng dụng điện thoại di động) để phục vụ công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ vận chuyển hành khách, hàng hoá.

7. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk, các cơ quan thông tin, truyền thông

a) Phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hiệp hội Vận tải ô tô tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan, tổ chức đoàn thể khác liên quan tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định

này cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện.

b) Tăng cường thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển vận tải hành khách công cộng, lợi ích của vận tải hành khách bằng xe buýt trong đô thị để các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí xây dựng hạ tầng kỹ thuật (biển báo điểm dừng đón trả khách, nhà chờ xe buýt) nơi có tuyến buýt đi qua, phục vụ phát triển giao thông công cộng và đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị kinh doanh vận tải

1. Thực hiện đúng các quy định hiện hành (Luật, Nghị định, Thông tư, Quy chuẩn Quốc gia) liên quan đến tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ.

2. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt: Xây dựng kế hoạch thực hiện các quy định về phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật được quy định tại Chương III của Quy định này.

3. Trang bị cho phương tiện vận tải hành khách của đơn vị thùng rác và túi nylon, kiểm soát hành vi xả thải của hành khách trên xe không để gây ô nhiễm môi trường.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải thuộc quản lý của Sở Giao thông vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của đơn vị kinh doanh vận tải, đảm bảo các điều kiện an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và không làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông.

Điều 18. Trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định hiện hành.

2. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi khởi hành; kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn.

3. Có biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của hành khách đi xe, giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe.

4. Điều khiển phương tiện dừng đỗ đúng nơi quy định.

5. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải giúp đỡ người khuyết tật, đặc biệt là người khuyết tật bị hạn chế khả năng vận động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ khi lên, xuống xe.

Điều 19. Quyền và trách nhiệm của hành khách

1. Được cung cấp thông tin về những tuyến đường, tuyến xe buýt; yêu cầu nhân viên bán vé đưa vé đi xe buýt hay hóa đơn thanh toán tiền đi xe taxi khi đã thanh toán tiền.

2. Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy vận chuyển, tuân thủ hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để đảm bảo an toàn trật tự trên xe. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người khác đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật.

3. Hành khách đi trên xe phải giữ gìn vệ sinh chung; không được xả rác tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ; không được mang theo những loại hàng hóa bị cấm lưu thông, hàng hóa cồng kềnh chiếm nhiều chỗ của hành khách, hàng có mùi tanh hôi, lây nhiễm bệnh, súc vật sống, chất dễ cháy nổ.

4. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên, xe buýt cho khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ và trẻ em.

5. Đối với người khuyết tật, được ngồi tại những ghế ưu tiên dành cho người khuyết tật và được giúp đỡ trong việc lên xuống xe khi đi xe.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi văn bản về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.